UBND QUẬN LONG BIÊN **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN ĐỊA LÍ 9**

**TRƯỜNG THCS CỰ KHỐI NĂM HỌC 2023 – 2024**

 *Thời gian làm bài: 45 phút*

**Mã đề 01**

 **ĐỀ CHÍNH THỨC**

 *Ngày kiểm tra: 15/3/2024*

**Trắc nghiệm: (10đ) Tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Ý nào sau đây ***không*** đúng với phần thượng châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Thường xuyên chịu tác động của thủy triều và sóng biển

 **B.** Bị ngập nước vào mùa mưa

 **C.** Khu vực tương đối cao (2-4m so với mực nước biển)

 **D.** Phần lớn bề mặt có nhiều vùng trũng rộng lớn

**Câu 2.** Biện pháp quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là:

 **A.** hạn chế xói mòn,rửa trôi trên đất bazan.

 **B.** nâng cao chất lượng lao động.

 **C.** tăng cường các cơ sở công nghiệp chế biến.

 **D.** tăng cường công tác thủy lợi.

**Câu 3.** Biểu hiện rõ rệt nhất trong biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là:

 **A.** mưa bão trên diện rộng, nước biển dâng.

 **B.** diện tích đất phù sa bị thu hẹp.

 **C.** xâm nhập mặn, mùa khô kéo dài.

 **D.** nhiệt độ trung bình năm ngày càng tăng.

**Câu 4.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 1)**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2000 – 2016.

 (Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Đông Nam Bộ | 77,3 | 157,1 | 616,1 | 1.171,0 |
| ĐB sông Cửu Long | 43,5 | 97,5 | 302,6 | 660,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2000 - 2016.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Cột. |  **B.** Kết hợp. |  **C.** Tròn. |  **D.** Đường |

**Câu 5.** Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ để phát triển nông nghiệp là:

 **A.** diện tích đất canh tác không lớn.

 **B.** chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

 **C.** mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng.

 **D.** cơ sở vật chất, kĩ thuật kém phát triển.

**Câu 6.** Hai loại đất có giá trị nhất ở Đông Nam Bộ là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Đất xám và đất phù sa. |  **B.** đất xám và đất phèn. |
|  **C.** đất ba dan và đất xám. |  **D.** đất ba dan và đất feralit. |

**Câu 7.** Đảo nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Côn Đảo |  **B.** Thổ Chu |  **C.** Lý Sơn |  **D.** Phú Quốc |

**Câu 8.** Trung tâm kinh tế - chính trị và du lịch của Đồng bằng sông Cửu Long là tỉnh/thành phố nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Cần Thơ |  **B.** Hậu Giang |  **C.** Vĩnh Long |  **D.** Cà Mau |

**Câu 9.** Dạng địa hình đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** thoải, khá bằng phẳng. |  **B.** cao đồ sộ độ dốc lớn. |
|  **C.** thấp trũng, chia cắt mạnh. |  **D.** dốc, bị cắt xẻ mạnh. |

**Câu 10.** Vấn đề lớn nhất đáng lo ngại của vùng đồng bằng Sông Cửu Long vào mùa khô là gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Xâm nhập mặn. |  **B.** Triều cường. |  **C.** Thiếu nước tưới. |  **D.** Địa hình thấp |

**Câu 11.** Nhiệm vụ quan trọng nhất trong việc hướng tới mục tới mục tiêu phát triển công nghiệp một cách bền vững ở Đông Nam Bộ là gì?

 **A.** Phát triển mạnh công nghiệp khai thác dầu khí.

 **B.** Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.

 **C.** Bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.

 **D.** Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất mới.

**Câu 12.** Các di tích lịch sử, văn hóa ở Đông Nam Bộ là:

 **A.** Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An, Bến Cảng Nhà Rồng.

 **B.** Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo.

 **C.** Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Thánh địa Mỹ Sơn.

 **D.** Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An.

**Câu 13.** Trong tương lai vùng Đông Nam Bộ sẽ xuất hiện ngành công nghiệp nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Thủy điện | **B.** Khai thác dầu khí |  **C.** Dịch vụ hàng hải |  **D.** Lọc hóa dầu |

**Câu 14.** Lợi thế lớn nhất cho phát triển thủy sản nước ngọt của đồng bằng sông Cửu Long là gì?

 **A.** Vùng biển rộng, ấm, nhiều ngư trường lớn.

 **B.** Sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt, các vùng trũng ngập nước

 **C.** Các ao, hồ nước ngọt.

 **D.** Nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông ven biển.

**Câu 15.** Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Bão |  **B.** Hạn hán |  **C.** Lũ lụt |  **D.** Xâm nhập mặn |

**Câu 16.** Đâu **không** phải là thế mạnh về tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Đồng bằng rộng lớn, khá bằng phẳng, đất phù sa châu thổ màu mỡ.

 **B.** Khí hậu cận xích đạo gió mùa nóng ẩm quanh năm, lượng mưa dồi dào

 **C.** Khoáng sản đa dạng và giàu có, trữ lượng lớn

 **D.** Biển và hải đảo có nguồn hải sản phong phú.

**Câu 17.** Nguyên nhân chính gây ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long là do:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** mưa lớn và triều cường. |  **B.** mưa bão trên diện rộng. |
|  **C.** bão lớn và lũ nguồn về. |  **D.** không có đê sông ngăn lũ. |

**Câu 18.** Vàomùa khô, khó khăn lớn nhất đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** triều cường. |  **B.** cháy rừng. |  **C.** xâm nhập măn. |  **D.** thiếu nước ngọt. |

**Câu 19.** Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bao gồm mấy tỉnh/thành phố?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 15 |  **B.** 13 |  **C.** 12 |  **D.** 14 |

**Câu 20.** Tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Tây Ninh |  **B.** Thành phố Hồ Chí Minh |
|  **C.** Long An |  **D.** BÌnh Dương |

**Câu 21.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 2)**

 Diện tích, sản lượng lúa của Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2010 - 2015

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2012 | 2014 | 2015 |
| Diện tích (nghìn ha) | 3945,9 | 4184,0 | 4249,5 | 4308,5 |
| Sản lượng (nghìn tấn)  | 21595,6 | 24320,8 | 25245,6 | 25699,7 |

 Năng suất lúa của đồng bằng Sông Cửu Long năm 2015 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 50 tạ/ha |  **B.** 60 tạ/ha |  **C.** 59,6 tạ/ha |  **D.** 50,4 tạ/ha |

**Câu 22.** Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là gì?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Gạo, xi măng, vật liệu xây dựng |  **B.** Gạo, hàng may mặc, nông sản |
|  **C.** Gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả |  **D.** Gạo, hàng tiêu dung, hàng thủ công |

**Câu 23.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 3)**

 Sản lượng thủy, hải sản của cả nước vàĐồng bằng Sông Cửu Long năm 2012

 (Đơn vị: tấn)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sản lượng | Cả nước | Đồng bằng Sông Cửu Long |
| Tổng sản lượng thủy, hải sản | 5 732 903 | 3 269 344 |
| Cá biển | 1 769 400 | 660 000 |
| Cá nuôi | 2 402 170 | 1 770 509 |
| Tôm nuôi | 471 861 | 357 772 |

 Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tổng sản lượng thủy, hải sản (trong đó có cá biển, cá nuôi, tôm nuôi) của Đồng bằng Sông Cửu Long so với cả nước năm 2012 là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** biểu đồ tròn |  **B.** biểu đồ miền |
|  **C.** biểu đồ cột trồng |  **D.** biểu đồ cột kết hợp đường |

**Câu 24.** Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** hồ tiêu. |  **B.** điều. |  **C.** cao su. |  **D.** cà phê. |

**Câu 25.** Để khắc phục hạn chế do mùa khô kéo dài, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, vấn đề quan trọng cần quan tâm ở Đông Nam Bộ là gì?

 **A.** Áp dụng kĩ thuật canh tác tiên tiến, thủy lợi.

 **B.** Cải tạo đất, thay đổi cơ cấu cây trồng.

 **C.** Làm thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.

 **D.** Thay đổi cơ cấu cây trồng, chống xói mòn.

**Câu 26.** Mặt hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đông Nam Bộ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** hàng may mặc. |  **B.** dầu thô. |  **C.** lúa gạo. |  **D.** đồ gỗ. |

**Câu 27.** Dựa vào Átlát Địa lí Việt Nam trang 20, em hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Đồng Tháp |  **B.** Bạc Liêu |  **C.** Kiên Giang |  **D.** An Giang |

**Câu 28.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 4)**

 Diện tích gieo trồng lúa phân theo thời vụ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1990 - 2005

 (Đơn vị: nghìn ha)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Chiêm xuân | Hè thu | Mùa |
| 1990 | 752,4 | 907,7 | 919,9 |
| 1995 | 1035,7 | 1397,6 | 757,3 |
| 2000 | 1519,3 | 1881,3 | 535,0 |
| 2005 | 1478,0 | 1974,0 | 373,5 |

 Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu thời vụ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1990 – 2005 là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** biểu đồ cột kết hợp đường |  **B.** biểu đồ cột |
|  **C.** biểu đồ miền |  **D.** biểu đồ tròn |

**Câu 29.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở ĐBSCL, ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

 **A.** sản xuất hàng tiêu dùng.

 **B.** sản xuất vật liệu xây dựng

 **C.** công nghiệp cơ khí

 **D. công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm**

**Câu 30.** Vùng Đông Nam Bộ gồm bao nhiêu đơn vị hành chính cấp tỉnh/thành phố?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 6 |  **B.** 7 |  **C.** 8 |  **D.** 5 |

**Câu 31.** Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra nhiều đề cấp bách để phát triển bền vững, đặc biệt là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** thu hút lao động có kĩ thuật. |  **B.** xây dựng cơ sở hạ tầng. |
|  **C.** tăng cường cơ sở năng lượng. |  **D.** đào tạo nhân công lành nghề. |

**Câu 32.** Ý nào sau đây ***không*** đúng với vùng Đông Nam Bộ?

 **A.** Có nền kinh tế hàng hóa phát triển muộn hơn so với vùng đồng bằng Sông Hồng;

 **B.** Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao;

 **C.** Đang sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên;

 **D.** Cơ câu kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ phát triển hơn so với các vùng khác trong cả nước;

**Câu 33.** Hai hệ thống sông lớn nào là nguồn cung cấp phù sa chính cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Sông Tiền và sông Cái |  **B.** Sông Vàm Cỏ và sông Cửu Long |
|  **C.** Sông Rạch Miễu và sông Hậu |  **D.** Sông Tiền và sông Hậu |

**Câu 34.** Tỉ trọng GDP trong cơ cấu công nghiệp của Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % so với cả nước?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Trên 50% |  **B.** 40% |  **C.** 45% |  **D.** 30% |

**Câu 35.** Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn thứ mấy cả nước?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 1 |  **B.** 4 |  **C.** 2 |  **D.** 3 |

**Câu 36.** Những tỉnh/thành phố nào sau đây của Đông Nam Bộ tiếp giáp với biển?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Đồng Nai, Tây Ninh |  **B.** TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai |
|  **C.** Bình Dương, Bình Phước |  **D.** TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu |

**Câu 37.** Mùa lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long có tác dụng tích cực nào sau đây?

 **A.** Gây thiệt hại cho vụ hè thu.

 **B.** Bồi đắp phù sa làm đất thêm màu mỡ.

 **C.** Gây ô nhiễm môi trường.

 **D.** Giúp người dân thay đổi cơ cấu mùa vụ.

**Câu 38.** Tỉnh có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Hà Tiên. |  **B.** Long Xuyên. |  **C.** Kiên Giang. |  **D.** Cà Mau. |

**Câu 39.** Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long tiếp giáp với vùng nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Tây Nguyên |  **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ |
|  **C.** Đồng bằng Sông Hồng |  **D.** Đông Nam Bộ |

**Câu 40.** Loại hình du lịch nào sau đây phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Du lịch sinh thái và di sản văn hóa

 **B.** Hoạt động du thuyền và lặn biển

 **C.** Du lịch sông nước, miệt vườn, biển đảo

 **D.** Hoạt động tắm biển, khám phá hang động

***-------------------- Chúc các con làm bài tốt!-----------------------***

UBND QUẬN LONG BIÊN **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN ĐỊA LÍ 9**

**TRƯỜNG THCS CỰ KHỐI NĂM HỌC 2023 – 2024**

 *Thời gian làm bài: 45 phút*

**Mã đề 02**

 **ĐỀ CHÍNH THỨC**

 *Ngày kiểm tra: 15/3/2024*

**Trắc nghiệm: (10đ) Tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là gì?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Gạo, hàng tiêu dung, hàng thủ công |  **B.** Gạo, xi măng, vật liệu xây dựng |
|  **C.** Gạo, hàng may mặc, nông sản |  **D.** Gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả |

**Câu 2.** Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bao gồm mấy tỉnh/thành phố?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 15 |  **B.** 14 |  **C.** 13 |  **D.** 12 |

**Câu 3.** Dạng địa hình đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** thấp trũng, chia cắt mạnh. |  **B.** dốc, bị cắt xẻ mạnh. |
|  **C.** thoải, khá bằng phẳng. |  **D.** cao đồ sộ độ dốc lớn. |

**Câu 4.** Những tỉnh/thành phố nào sau đây của Đông Nam Bộ tiếp giáp với biển?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu |  **B.** TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai |
|  **C.** Đồng Nai, Tây Ninh |  **D.** Bình Dương, Bình Phước |

**Câu 5.** Trung tâm kinh tế - chính trị và du lịch của Đồng bằng sông Cửu Long là tỉnh/thành phố nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Cà Mau |  **B.** Vĩnh Long |  **C.** Cần Thơ |  **D.** Hậu Giang |

**Câu 6.** Các di tích lịch sử, văn hóa ở Đông Nam Bộ là:

 **A.** Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An, Bến Cảng Nhà Rồng.

 **B.** Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An.

 **C.** Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo.

 **D.** Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Thánh địa Mỹ Sơn.

**Câu 7.** Vùng Đông Nam Bộ gồm bao nhiêu đơn vị hành chính cấp tỉnh/thành phố?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 5 |  **B.** 7 |  **C.** 6 |  **D.** 8 |

**Câu 8.** Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** cà phê. |  **B.** cao su. |  **C.** điều. |  **D.** hồ tiêu. |

**Câu 9.** Mặt hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đông Nam Bộ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** dầu thô. |  **B.** đồ gỗ. |  **C.** hàng may mặc. |  **D.** lúa gạo. |

**Câu 10.** Để khắc phục hạn chế do mùa khô kéo dài, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, vấn đề quan trọng cần quan tâm ở Đông Nam Bộ là gì?

 **A.** Cải tạo đất, thay đổi cơ cấu cây trồng.

 **B.** Làm thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.

 **C.** Thay đổi cơ cấu cây trồng, chống xói mòn.

 **D.** Áp dụng kĩ thuật canh tác tiên tiến, thủy lợi.

**Câu 11.** Tỉnh có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Long Xuyên. |  **B.** Cà Mau. |  **C.** Kiên Giang. |  **D.** Hà Tiên. |

**Câu 12.** Hai hệ thống sông lớn nào là nguồn cung cấp phù sa chính cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Sông Rạch Miễu và sông Hậu |  **B.** Sông Vàm Cỏ và sông Cửu Long |
|  **C.** Sông Tiền và sông Hậu |  **D.** Sông Tiền và sông Cái |

**Câu 13.** Biểu hiện rõ rệt nhất trong biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là:

 **A.** xâm nhập mặn, mùa khô kéo dài.

 **B.** diện tích đất phù sa bị thu hẹp.

 **C.** nhiệt độ trung bình năm ngày càng tăng.

 **D.** mưa bão trên diện rộng, nước biển dâng.

**Câu 14.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 1)**

 Sản lượng thủy, hải sản của cả nước vàĐồng bằng Sông Cửu Long năm 2012

 (Đơn vị: tấn)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sản lượng | Cả nước | Đồng bằng Sông Cửu Long |
| Tổng sản lượng thủy, hải sản | 5 732 903 | 3 269 344 |
| Cá biển | 1 769 400 | 660 000 |
| Cá nuôi | 2 402 170 | 1 770 509 |
| Tôm nuôi | 471 861 | 357 772 |

 Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tổng sản lượng thủy, hải sản (trong đó có cá biển, cá nuôi, tôm nuôi) của Đồng bằng Sông Cửu Long so với cả nước năm 2012 là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** biểu đồ tròn |  **B.** biểu đồ cột trồng |
|  **C.** biểu đồ cột kết hợp đường |  **D.** biểu đồ miền |

**Câu 15.** Mùa lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long có tác dụng tích cực nào sau đây?

 **A.** Giúp người dân thay đổi cơ cấu mùa vụ.

 **B.** Gây ô nhiễm môi trường.

 **C.** Bồi đắp phù sa làm đất thêm màu mỡ.

 **D.** Gây thiệt hại cho vụ hè thu.

**Câu 16.** Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra nhiều đề cấp bách để phát triển bền vững, đặc biệt là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** đào tạo nhân công lành nghề. |  **B.** tăng cường cơ sở năng lượng. |
|  **C.** thu hút lao động có kĩ thuật. |  **D.** xây dựng cơ sở hạ tầng. |

**Câu 17.** Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long tiếp giáp với vùng nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Đông Nam Bộ |  **B.** Đồng bằng Sông Hồng |
|  **C.** Tây Nguyên |  **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ |

**Câu 18.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 2)**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2000 – 2016.

 (Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Đông Nam Bộ | 77,3 | 157,1 | 616,1 | 1.171,0 |
| ĐB sông Cửu Long | 43,5 | 97,5 | 302,6 | 660,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2000 - 2016.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Đường |  **B.** Kết hợp. |  **C.** Cột. |  **D.** Tròn. |

**Câu 19.** Nguyên nhân chính gây ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long là do:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** mưa lớn và triều cường. |  **B.** bão lớn và lũ nguồn về. |
|  **C.** mưa bão trên diện rộng. |  **D.** không có đê sông ngăn lũ. |

**Câu 20.** Ý nào sau đây ***không*** đúng với phần thượng châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Thường xuyên chịu tác động của thủy triều và sóng biển

 **B.** Bị ngập nước vào mùa mưa

 **C.** Khu vực tương đối cao (2-4m so với mực nước biển)

 **D.** Phần lớn bề mặt có nhiều vùng trũng rộng lớn

**Câu 21.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 3)**

 Diện tích, sản lượng lúa của Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2010 - 2015

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2012 | 2014 | 2015 |
| Diện tích (nghìn ha) | 3945,9 | 4184,0 | 4249,5 | 4308,5 |
| Sản lượng (nghìn tấn)  | 21595,6 | 24320,8 | 25245,6 | 25699,7 |

 Năng suất lúa của đồng bằng Sông Cửu Long năm 2015 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 50,4 tạ/ha |  **B.** 59,6 tạ/ha |  **C.** 60 tạ/ha |  **D.** 50 tạ/ha |

**Câu 22.** Đâu ***không*** phải là thế mạnh về tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Khoáng sản đa dạng và giàu có, trữ lượng lớn

 **B.** Khí hậu cận xích đạo gió mùa nóng ẩm quanh năm, lượng mưa dồi dào

 **C.** Biển và hải đảo có nguồn hải sản phong phú.

 **D.** Đồng bằng rộng lớn, khá bằng phẳng, đất phù sa châu thổ màu mỡ.

**Câu 23.** Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Lũ lụt |  **B.** Bão |  **C.** Xâm nhập mặn |  **D.** Hạn hán |

**Câu 24.** Hai loại đất có giá trị nhất ở Đông Nam Bộ là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** đất xám và đất phèn. |  **B.** đất ba dan và đất feralit. |
|  **C.** Đất xám và đất phù sa. |  **D.** đất ba dan và đất xám. |

**Câu 25.** Vấn đề lớn nhất đáng lo ngại của vùng đồng bằng Sông Cửu Long vào mùa khô là gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Triều cường. |  **B.** Thiếu nước tưới. |  **C.** Xâm nhập mặn. |  **D.** Địa hình thấp |

**Câu 26.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở ĐBSCL, ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

 **A.** công nghiệp cơ khí

 **B. công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm**

 **C.** sản xuất hàng tiêu dùng.

 **D.** sản xuất vật liệu xây dựng

**Câu 27.** Tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Long An |  **B.** Tây Ninh |
|  **C.** BÌnh Dương |  **D.** Thành phố Hồ Chí Minh |

**Câu 28.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 4)**

Diện tích gieo trồng lúa phân theo thời vụ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1990 - 2005

 (Đơn vị: nghìn ha)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Chiêm xuân | Hè thu | Mùa |
| 1990 | 752,4 | 907,7 | 919,9 |
| 1995 | 1035,7 | 1397,6 | 757,3 |
| 2000 | 1519,3 | 1881,3 | 535,0 |
| 2005 | 1478,0 | 1974,0 | 373,5 |

 Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu thời vụ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1990 – 2005 là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** biểu đồ miền |  **B.** biểu đồ tròn |
|  **C.** biểu đồ cột kết hợp đường |  **D.** biểu đồ cột |

**Câu 29.** Trong tương lai vùng Đông Nam Bộ sẽ xuất hiện ngành công nghiệp nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Lọc hóa dầu |  **B.** Thủy điện |  **C.** Khai thác dầu khí |  **D.** Dịch vụ hàng hải |

**Câu 30.** Biện pháp quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là:

 **A.** hạn chế xói mòn,rửa trôi trên đất bazan.

 **B.** nâng cao chất lượng lao động.

 **C.** tăng cường các cơ sở công nghiệp chế biến.

 **D.** tăng cường công tác thủy lợi.

**Câu 31.** Nhiệm vụ quan trọng nhất trong việc hướng tới mục tới mục tiêu phát triển công nghiệp một cách bền vững ở Đông Nam Bộ là gì?

 **A.** Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất mới.

 **B.** Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.

 **C.** Bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.

 **D.** Phát triển mạnh công nghiệp khai thác dầu khí.

**Câu 32.** Loại hình du lịch nào sau đây phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Hoạt động du thuyền và lặn biển

 **B.** Du lịch sông nước, miệt vườn, biển đảo

 **C.** Hoạt động tắm biển, khám phá hang động

 **D.** Du lịch sinh thái và di sản văn hóa

**Câu 33.** Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn thứ mấy cả nước?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 4 |  **B.** 1 |  **C.** 2 |  **D.** 3 |

**Câu 34.** Ý nào sau đây ***không*** đúng với vùng Đông Nam Bộ?

 **A.** Có nền kinh tế hàng hóa phát triển muộn hơn so với vùng đồng bằng Sông Hồng

 **B.** Cơ câu kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ phát triển hơn so với các vùng khác trong cả nước

 **C.** Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao

 **D.** Đang sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên

**Câu 35.** Đảo nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Phú Quốc |  **B.** Lý Sơn |  **C.** Côn Đảo |  **D.** Thổ Chu |

**Câu 36.** Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ để phát triển nông nghiệp là:

 **A.** cơ sở vật chất, kĩ thuật kém phát triển.

 **B.** diện tích đất canh tác không lớn.

 **C.** chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

 **D.** mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng.

**Câu 37.** Tỉ trọng GDP trong cơ cấu công nghiệp của Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % so với cả nước?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 30% |  **B.** 40% |  **C.** Trên 50% |  **D.** 45% |

**Câu 38.** Lợi thế lớn nhất cho phát triển thủy sản nước ngọt của đồng bằng sông Cửu Long là gì?

 **A.** Sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt, các vùng trũng ngập nước

 **B.** Nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông ven biển.

 **C.** Các ao, hồ nước ngọt.

 **D.** Vùng biển rộng, ấm, nhiều ngư trường lớn.

**Câu 39.** Vàomùa khô, khó khăn lớn nhất đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bắng sông Cửu Long là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** cháy rừng. |  **B.** thiếu nước ngọt. |  **C.** triều cường. |  **D.** xâm nhập măn. |

**Câu 40.** Dựa vào Átlát Địa lí Việt Nam trang 20, em hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** An Giang |  **B.** Đồng Tháp |  **C.** Kiên Giang |  **D.** Bạc Liêu |

***-------------------- Chúc các con làm bài tốt!-----------------------***

UBND QUẬN LONG BIÊN **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN ĐỊA LÍ 9**

**TRƯỜNG THCS CỰ KHỐI NĂM HỌC 2023 – 2024**

 *Thời gian làm bài: 45 phút*

**Mã đề 03**

 **ĐỀ CHÍNH THỨC**

 *Ngày kiểm tra: 15/3/2024*

**Trắc nghiệm: (10đ) Tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Mùa lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long có tác dụng tích cực nào sau đây?

 **A.** Gây ô nhiễm môi trường.

 **B.** Gây thiệt hại cho vụ hè thu.

 **C.** Bồi đắp phù sa làm đất thêm màu mỡ.

 **D.** Giúp người dân thay đổi cơ cấu mùa vụ.

**Câu 2.** Để khắc phục hạn chế do mùa khô kéo dài, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, vấn đề quan trọng cần quan tâm ở Đông Nam Bộ là gì?

 **A.** Cải tạo đất, thay đổi cơ cấu cây trồng.

 **B.** Thay đổi cơ cấu cây trồng, chống xói mòn.

 **C.** Áp dụng kĩ thuật canh tác tiên tiến, thủy lợi.

 **D.** Làm thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.

**Câu 3.** Nguyên nhân chính gây ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long là do:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** mưa bão trên diện rộng. |  **B.** bão lớn và lũ nguồn về. |
|  **C.** mưa lớn và triều cường. |  **D.** không có đê sông ngăn lũ. |

**Câu 4.** Vàomùa khô, khó khăn lớn nhất đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bắng sông Cửu Long là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** xâm nhập măn. |  **B.** thiếu nước ngọt. |  **C.** triều cường. |  **D.** cháy rừng. |

**Câu 5.** Biểu hiện rõ rệt nhất trong biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là:

 **A.** mưa bão trên diện rộng, nước biển dâng.

 **B.** diện tích đất phù sa bị thu hẹp.

 **C.** nhiệt độ trung bình năm ngày càng tăng.

 **D.** xâm nhập mặn, mùa khô kéo dài.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 1)**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2000 – 2016.

 (Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Đông Nam Bộ | 77,3 | 157,1 | 616,1 | 1.171,0 |
| ĐB sông Cửu Long | 43,5 | 97,5 | 302,6 | 660,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2000 - 2016.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Kết hợp. |  **B.** Đường |  **C.** Cột. |  **D.** Tròn. |

**Câu 7.** Lợi thế lớn nhất cho phát triển thủy sản nước ngọt của đồng bằng sông Cửu Long là gì?

 **A.** Vùng biển rộng, ấm, nhiều ngư trường lớn.

 **B.** Nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông ven biển.

 **C.** Các ao, hồ nước ngọt.

 **D.** Sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt, các vùng trũng ngập nước

**Câu 8.** Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn thứ mấy cả nước?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 2 |  **B.** 3 |  **C.** 1 |  **D.** 4 |

**Câu 9.** Vùng Đông Nam Bộ gồm bao nhiêu đơn vị hành chính cấp tỉnh/thành phố?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 6 |  **B.** 7 |  **C.** 5 |  **D.** 8 |

**Câu 10.** Ý nào sau đây ***không*** đúng với vùng Đông Nam Bộ?

 **A.** Cơ câu kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ phát triển hơn so với các vùng khác trong cả nước

 **B.** Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao

 **C.** Đang sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên

 **D.** Có nền kinh tế hàng hóa phát triển muộn hơn so với vùng đồng bằng Sông Hồng

**Câu 11.** Nhiệm vụ quan trọng nhất trong việc hướng tới mục tới mục tiêu phát triển công nghiệp một cách bền vững ở Đông Nam Bộ là gì?

 **A.** Phát triển mạnh công nghiệp khai thác dầu khí.

 **B.** Bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.

 **C.** Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất mới.

 **D.** Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.

**Câu 12.** Đảo nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Phú Quốc |  **B.** Lý Sơn |  **C.** Thổ Chu |  **D.** Côn Đảo |

**Câu 13.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 2)**

 Diện tích gieo trồng lúa phân theo thời vụ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1990 -2005 (Đơn vị: nghìn ha)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Chiêm xuân | Hè thu | Mùa |
| 1990 | 752,4 | 907,7 | 919,9 |
| 1995 | 1035,7 | 1397,6 | 757,3 |
| 2000 | 1519,3 | 1881,3 | 535,0 |
| 2005 | 1478,0 | 1974,0 | 373,5 |

 Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu thời vụ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1990 – 2005 là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** biểu đồ miền |  **B.** biểu đồ tròn |
|  **C.** biểu đồ cột |  **D.** biểu đồ cột kết hợp đường |

**Câu 14.** Những tỉnh/thành phố nào sau đây của Đông Nam Bộ tiếp giáp với biển?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Bình Dương, Bình Phước |  **B.** TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai |
|  **C.** TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu |  **D.** Đồng Nai, Tây Ninh |

**Câu 15.** Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là gì?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Gạo, hàng tiêu dung, hàng thủ công |  **B.** Gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả |
|  **C.** Gạo, hàng may mặc, nông sản |  **D.** Gạo, xi măng, vật liệu xây dựng |

**Câu 16.** Mặt hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đông Nam Bộ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** đồ gỗ. |  **B.** lúa gạo. |  **C.** hàng may mặc. |  **D.** dầu thô. |

**Câu 17.** Các di tích lịch sử, văn hóa ở Đông Nam Bộ là:

 **A.** Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo.

 **B.** Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An, Bến Cảng Nhà Rồng.

 **C.** Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Thánh địa Mỹ Sơn.

 **D.** Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An.

**Câu 18.** Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Hạn hán |  **B.** Lũ lụt |  **C.** Bão |  **D.** Xâm nhập mặn |

**Câu 19.** Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long tiếp giáp với vùng nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Duyên hải Nam Trung Bộ |  **B.** Đông Nam Bộ |
|  **C.** Đồng bằng Sông Hồng |  **D.** Tây Nguyên |

**Câu 20.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 3)**

 Sản lượng thủy, hải sản của cả nước vàĐồng bằng Sông Cửu Long năm 2012

 (Đơn vị: tấn)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sản lượng | Cả nước | Đồng bằng Sông Cửu Long |
| Tổng sản lượng thủy, hải sản | 5 732 903 | 3 269 344 |
| Cá biển | 1 769 400 | 660 000 |
| Cá nuôi | 2 402 170 | 1 770 509 |
| Tôm nuôi | 471 861 | 357 772 |

 Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tổng sản lượng thủy, hải sản (trong đó có cá biển, cá nuôi, tôm nuôi) của Đồng bằng Sông Cửu Long so với cả nước năm 2012 là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** biểu đồ cột kết hợp đường |  **B.** biểu đồ cột trồng |
|  **C.** biểu đồ miền |  **D.** biểu đồ tròn |

**Câu 21.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 4)**

Diện tích, sản lượng lúa của Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2010 - 2015

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2012 | 2014 | 2015 |
| Diện tích (nghìn ha) | 3945,9 | 4184,0 | 4249,5 | 4308,5 |
| Sản lượng (nghìn tấn)  | 21595,6 | 24320,8 | 25245,6 | 25699,7 |

Năng suất lúa của đồng bằng Sông Cửu Long năm 2015 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 60 tạ/ha |  **B.** 50 tạ/ha |  **C.** 59,6 tạ/ha |  **D.** 50,4 tạ/ha |

**Câu 22.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở ĐBSCL, ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

 **A.** sản xuất vật liệu xây dựng

 **B.** công nghiệp cơ khí

 **C.** sản xuất hàng tiêu dùng.

 **D. công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm**

**Câu 23.** Vấn đề lớn nhất đáng lo ngại của vùng đồng bằng Sông Cửu Long vào mùa khô là gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Thiếu nước tưới. |  **B.** Địa hình thấp |  **C.** Triều cường. |  **D.** Xâm nhập mặn. |

**Câu 24.** Dạng địa hình đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** dốc, bị cắt xẻ mạnh. |  **B.** thoải, khá bằng phẳng. |
|  **C.** cao đồ sộ độ dốc lớn. |  **D.** thấp trũng, chia cắt mạnh. |

**Câu 25.** Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra nhiều đề cấp bách để phát triển bền vững, đặc biệt là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** thu hút lao động có kĩ thuật. |  **B.** tăng cường cơ sở năng lượng. |
|  **C.** xây dựng cơ sở hạ tầng. |  **D.** đào tạo nhân công lành nghề. |

**Câu 26.** Trung tâm kinh tế - chính trị và du lịch của Đồng bằng sông Cửu Long là tỉnh/thành phố nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Cần Thơ |  **B.** Hậu Giang |  **C.** Vĩnh Long |  **D.** Cà Mau |

**Câu 27.** Hai hệ thống sông lớn nào là nguồn cung cấp phù sa chính cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Sông Tiền và sông Hậu |  **B.** Sông Tiền và sông Cái |
|  **C.** Sông Rạch Miễu và sông Hậu |  **D.** Sông Vàm Cỏ và sông Cửu Long |

**Câu 28.** Trong tương lai vùng Đông Nam Bộ sẽ xuất hiện ngành công nghiệp nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Thủy điện |  **B.** Dịch vụ hàng hải |  **C.** Lọc hóa dầu |  **D.** Khai thác dầu khí |

**Câu 29.** Tỉnh có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Hà Tiên. |  **B.** Kiên Giang. |  **C.** Cà Mau. |  **D.** Long Xuyên. |

**Câu 30.** Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** cà phê. |  **B.** cao su. |  **C.** hồ tiêu. |  **D.** điều. |

**Câu 31.** Biện pháp quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là:

 **A.** hạn chế xói mòn,rửa trôi trên đất bazan.

 **B.** nâng cao chất lượng lao động.

 **C.** tăng cường công tác thủy lợi.

 **D.** tăng cường các cơ sở công nghiệp chế biến.

**Câu 32.** Ý nào sau đây ***không*** đúng với phần thượng châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Bị ngập nước vào mùa mưa

 **B.** Thường xuyên chịu tác động của thủy triều và sóng biển

 **C.** Khu vực tương đối cao (2-4m so với mực nước biển)

 **D.** Phần lớn bề mặt có nhiều vùng trũng rộng lớn

**Câu 33.** Tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** BÌnh Dương |  **B.** Thành phố Hồ Chí Minh |
|  **C.** Long An |  **D.** Tây Ninh |

**Câu 34.** Hai loại đất có giá trị nhất ở Đông Nam Bộ là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** đất ba dan và đất xám. |  **B.** đất xám và đất phèn. |
|  **C.** đất ba dan và đất feralit. |  **D.** Đất xám và đất phù sa. |

**Câu 35.** Đâu ***không*** phải là thế mạnh về tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Khí hậu cận xích đạo gió mùa nóng ẩm quanh năm, lượng mưa dồi dào

 **B.** Khoáng sản đa dạng và giàu có, trữ lượng lớn

 **C.** Đồng bằng rộng lớn, khá bằng phẳng, đất phù sa châu thổ màu mỡ.

 **D.** Biển và hải đảo có nguồn hải sản phong phú.

**Câu 36.** Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ để phát triển nông nghiệp là:

 **A.** chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

 **B.** mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng.

 **C.** cơ sở vật chất, kĩ thuật kém phát triển.

 **D.** diện tích đất canh tác không lớn.

**Câu 37.** Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bao gồm mấy tỉnh/thành phố?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 13 |  **B.** 12 |  **C.** 14 |  **D.** 15 |

**Câu 38.** Tỉ trọng GDP trong cơ cấu công nghiệp của Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % so với cả nước?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 30% |  **B.** 40% |  **C.** Trên 50% |  **D.** 45% |

**Câu 39.** Dựa vào Átlát Địa lí Việt Nam trang 20, em hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Kiên Giang |  **B.** Đồng Tháp |  **C.** An Giang |  **D.** Bạc Liêu |

**Câu 40.** Loại hình du lịch nào sau đây phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Du lịch sông nước, miệt vườn, biển đảo

 **B.** Hoạt động du thuyền và lặn biển

 **C.** Du lịch sinh thái và di sản văn hóa

 **D.** Hoạt động tắm biển, khám phá hang động

***-------------------- Chúc các con làm bài tốt!-----------------------***

UBND QUẬN LONG BIÊN **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN ĐỊA LÍ 9**

**TRƯỜNG THCS CỰ KHỐI NĂM HỌC 2023 – 2024**

 *Thời gian làm bài: 45 phút*

**Mã đề 04**

 **ĐỀ CHÍNH THỨC**

 *Ngày kiểm tra: 15/3/2024*

**Trắc nghiệm: (10đ) Tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Dựa vào Átlát Địa lí Việt Nam trang 20, em hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Bạc Liêu |  **B.** Kiên Giang |  **C.** Đồng Tháp |  **D.** An Giang |

**Câu 2.** Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** điều. |  **B.** cao su. |  **C.** cà phê. |  **D.** hồ tiêu. |

**Câu 3.** Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long tiếp giáp với vùng nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Đồng bằng Sông Hồng |  **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ |
|  **C.** Đông Nam Bộ |  **D.** Tây Nguyên |

**Câu 4.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 1)**

Diện tích, sản lượng lúa của Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2010 - 2015

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2012 | 2014 | 2015 |
| Diện tích (nghìn ha) | 3945,9 | 4184,0 | 4249,5 | 4308,5 |
| Sản lượng (nghìn tấn)  | 21595,6 | 24320,8 | 25245,6 | 25699,7 |

Năng suất lúa của đồng bằng Sông Cửu Long năm 2015 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 50 tạ/ha |  **B.** 59,6 tạ/ha |  **C.** 60 tạ/ha |  **D.** 50,4 tạ/ha |

**Câu 5.** Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn thứ mấy cả nước?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 2 |  **B.** 4 |  **C.** 3 |  **D.** 1 |

**Câu 6.** Biểu hiện rõ rệt nhất trong biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là:

 **A.** diện tích đất phù sa bị thu hẹp.

 **B.** xâm nhập mặn, mùa khô kéo dài.

 **C.** nhiệt độ trung bình năm ngày càng tăng.

 **D.** mưa bão trên diện rộng, nước biển dâng.

**Câu 7.** Mùa lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long có tác dụng tích cực nào sau đây?

 **A.** Gây ô nhiễm môi trường.

 **B.** Giúp người dân thay đổi cơ cấu mùa vụ.

 **C.** Gây thiệt hại cho vụ hè thu.

 **D.** Bồi đắp phù sa làm đất thêm màu mỡ.

**Câu 8.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở ĐBSCL, ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

 **A.** sản xuất vật liệu xây dựng

 **B.** sản xuất hàng tiêu dùng.

 **C.** công nghiệp cơ khí

 **D. công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm**

**Câu 9.** Dạng địa hình đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ là

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** dốc, bị cắt xẻ mạnh. |  **B.** thấp trũng, chia cắt mạnh. |
|  **C.** cao đồ sộ độ dốc lớn. |  **D.** thoải, khá bằng phẳng. |

**Câu 10.** Đâu ***không*** phải là thế mạnh về tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Đồng bằng rộng lớn, khá bằng phẳng, đất phù sa châu thổ màu mỡ.

 **B.** Khoáng sản đa dạng và giàu có, trữ lượng lớn

 **C.** Khí hậu cận xích đạo gió mùa nóng ẩm quanh năm, lượng mưa dồi dào

 **D.** Biển và hải đảo có nguồn hải sản phong phú.

**Câu 11.** Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bao gồm mấy tỉnh/thành phố?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 13 |  **B.** 12 |  **C.** 14 |  **D.** 15 |

**Câu 12.** Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra nhiều đề cấp bách để phát triển bền vững, đặc biệt là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** thu hút lao động có kĩ thuật. |  **B.** xây dựng cơ sở hạ tầng. |
|  **C.** đào tạo nhân công lành nghề. |  **D.** tăng cường cơ sở năng lượng. |

**Câu 13.** Những tỉnh/thành phố nào sau đây của Đông Nam Bộ tiếp giáp với biển?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Đồng Nai, Tây Ninh |  **B.** Bình Dương, Bình Phước |
|  **C.** TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai |  **D.** TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu |

**Câu 14.** Để khắc phục hạn chế do mùa khô kéo dài, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, vấn đề quan trọng cần quan tâm ở Đông Nam Bộ là gì?

 **A.** Làm thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.

 **B.** Thay đổi cơ cấu cây trồng, chống xói mòn.

 **C.** Cải tạo đất, thay đổi cơ cấu cây trồng.

 **D.** Áp dụng kĩ thuật canh tác tiên tiến, thủy lợi.

**Câu 15.** Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là gì?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả |  **B.** Gạo, hàng tiêu dung, hàng thủ công |
|  **C.** Gạo, xi măng, vật liệu xây dựng |  **D.** Gạo, hàng may mặc, nông sản |

**Câu 16.** Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Bão |  **B.** Hạn hán |  **C.** Xâm nhập mặn |  **D.** Lũ lụt |

**Câu 17.** Trung tâm kinh tế - chính trị và du lịch của Đồng bằng sông Cửu Long là tỉnh/thành phố nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Hậu Giang |  **B.** Vĩnh Long |  **C.** Cà Mau |  **D.** Cần Thơ |

**Câu 18.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 2)**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2000 – 2016.

 (Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Đông Nam Bộ | 77,3 | 157,1 | 616,1 | 1.171,0 |
| ĐB sông Cửu Long | 43,5 | 97,5 | 302,6 | 660,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2000 - 2016.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Kết hợp. |  **B.** Tròn. |  **C.** Đường |  **D.** Cột. |

**Câu 19.** Biện pháp quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là:

 **A.** hạn chế xói mòn,rửa trôi trên đất bazan.

 **B.** tăng cường công tác thủy lợi.

 **C.** tăng cường các cơ sở công nghiệp chế biến.

 **D.** nâng cao chất lượng lao động.

**Câu 20.** Lợi thế lớn nhất cho phát triển thủy sản nước ngọt của đồng bằng sông Cửu Long là gì?

 **A.** Các ao, hồ nước ngọt.

 **B.** Nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông ven biển.

 **C.** Vùng biển rộng, ấm, nhiều ngư trường lớn.

 **D.** Sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt, các vùng trũng ngập nước

**Câu 21.** Tỉ trọng GDP trong cơ cấu công nghiệp của Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % so với cả nước?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Trên 50% |  **B.** 45% |  **C.** 40% |  **D.** 30% |

**Câu 22.** Vùng Đông Nam Bộ gồm bao nhiêu đơn vị hành chính cấp tỉnh/thành phố?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 5 |  **B.** 6 |  **C.** 7 |  **D.** 8 |

**Câu 23.** Loại hình du lịch nào sau đây phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Du lịch sông nước, miệt vườn, biển đảo

 **B.** Hoạt động du thuyền và lặn biển

 **C.** Du lịch sinh thái và di sản văn hóa

 **D.** Hoạt động tắm biển, khám phá hang động

**Câu 24.** Nguyên nhân chính gây ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long là do:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** không có đê sông ngăn lũ. |  **B.** mưa lớn và triều cường. |
|  **C.** bão lớn và lũ nguồn về. |  **D.** mưa bão trên diện rộng. |

**Câu 25.** Tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** BÌnh Dương |  **B.** Tây Ninh |
|  **C.** Long An |  **D.** Thành phố Hồ Chí Minh |

**Câu 26.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 3)**

 Sản lượng thủy, hải sản của cả nước vàĐồng bằng Sông Cửu Long năm 2012

 (Đơn vị: tấn)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sản lượng | Cả nước | Đồng bằng Sông Cửu Long |
| Tổng sản lượng thủy, hải sản | 5 732 903 | 3 269 344 |
| Cá biển | 1 769 400 | 660 000 |
| Cá nuôi | 2 402 170 | 1 770 509 |
| Tôm nuôi | 471 861 | 357 772 |

 Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tổng sản lượng thủy, hải sản (trong đó có cá biển, cá nuôi, tôm nuôi) của Đồng bằng Sông Cửu Long so với cả nước năm 2012 là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** biểu đồ tròn |  **B.** biểu đồ cột kết hợp đường |
|  **C.** biểu đồ miền |  **D.** biểu đồ cột trồng |

**Câu 27.** Vấn đề lớn nhất đáng lo ngại của vùng đồng bằng Sông Cửu Long vào mùa khô là gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Địa hình thấp |  **B.** Xâm nhập mặn. |  **C.** Thiếu nước tưới. |  **D.** Triều cường. |

**Câu 28.** Hai hệ thống sông lớn nào là nguồn cung cấp phù sa chính cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Sông Vàm Cỏ và sông Cửu Long |  **B.** Sông Tiền và sông Hậu |
|  **C.** Sông Tiền và sông Cái |  **D.** Sông Rạch Miễu và sông Hậu |

**Câu 29.** Đảo nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Côn Đảo |  **B.** Lý Sơn |  **C.** Phú Quốc |  **D.** Thổ Chu |

**Câu 30.** Các di tích lịch sử, văn hóa ở Đông Nam Bộ là:

 **A.** Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An.

 **B.** Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Thánh địa Mỹ Sơn.

 **C.** Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo.

 **D.** Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An, Bến Cảng Nhà Rồng.

**Câu 31.** Nhiệm vụ quan trọng nhất trong việc hướng tới mục tới mục tiêu phát triển công nghiệp một cách bền vững ở Đông Nam Bộ là gì?

 **A.** Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.

 **B.** Phát triển mạnh công nghiệp khai thác dầu khí.

 **C.** Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất mới.

 **D.** Bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.

**Câu 32.** Vàomùa khô, khó khăn lớn nhất đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bắng sông Cửu Long là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** thiếu nước ngọt. |  **B.** cháy rừng. |  **C.** xâm nhập măn. |  **D.** triều cường. |

**Câu 33.** Cho bảng số liệu: **(Bảng 4)**

Diện tích gieo trồng lúa phân theo thời vụ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1990 - 2005

(Đơn vị: nghìn ha)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Chiêm xuân | Hè thu | Mùa |
| 1990 | 752,4 | 907,7 | 919,9 |
| 1995 | 1035,7 | 1397,6 | 757,3 |
| 2000 | 1519,3 | 1881,3 | 535,0 |
| 2005 | 1478,0 | 1974,0 | 373,5 |

Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu thời vụ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1990 – 2005 là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** biểu đồ miền |  **B.** biểu đồ cột |
|  **C.** biểu đồ tròn |  **D.** biểu đồ cột kết hợp đường |

**Câu 34.** Ý nào sau đây ***không*** đúng với vùng Đông Nam Bộ?

 **A.** Đang sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên

 **B.** Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao

 **C.** Cơ câu kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ phát triển hơn so với các vùng khác trong cả nước

 **D.** Có nền kinh tế hàng hóa phát triển muộn hơn so với vùng đồng bằng Sông Hồng

**Câu 35.** Ý nào sau đây ***không*** đúng với phần thượng châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Thường xuyên chịu tác động của thủy triều và sóng biển

 **B.** Khu vực tương đối cao (2-4m so với mực nước biển)

 **C.** Phần lớn bề mặt có nhiều vùng trũng rộng lớn

 **D.** Bị ngập nước vào mùa mưa

**Câu 36.** Tỉnh có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Kiên Giang. |  **B.** Cà Mau. |  **C.** Hà Tiên. |  **D.** Long Xuyên. |

**Câu 37.** Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ để phát triển nông nghiệp là:

 **A.** mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng.

 **B.** cơ sở vật chất, kĩ thuật kém phát triển.

 **C.** chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

 **D.** diện tích đất canh tác không lớn.

**Câu 38.** Hai loại đất có giá trị nhất ở Đông Nam Bộ là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Đất xám và đất phù sa. |  **B.** đất ba dan và đất xám. |
|  **C.** đất ba dan và đất feralit. |  **D.** đất xám và đất phèn. |

**Câu 39.** Trong tương lai vùng Đông Nam Bộ sẽ xuất hiện ngành công nghiệp nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Lọc hóa dầu |  **B.** Dịch vụ hàng hải |  **C.** Thủy điện |  **D.** Khai thác dầu khí |

**Câu 40.** Mặt hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đông Nam Bộ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** dầu thô. |  **B.** hàng may mặc. |  **C.** lúa gạo. |  **D.** đồ gỗ. |

***-------------------- Chúc các con làm bài tốt!-----------------------***

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN ĐỊA LÍ 9**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**Trắc nghiệm: (10,0 điểm)** Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm

**Mã đề: 01**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 |
| A | D | C | D | C | C | A | A | A | A |
| Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 | Câu 15 | Câu 16 | Câu 17 | Câu 18 | Câu 19 | Câu 20 |
| C | B | D | B | A | C | A | D | B | C |
| Câu 21 | Câu 22 | Câu 23 | Câu 24 | Câu 25 | Câu 26 | Câu 27 | Câu 28 | Câu 29 | Câu 30 |
| C | C | C | C | C | B | C | C | D | A |
| Câu 31 | Câu 32 | Câu 33 | Câu 34 | Câu 35 | Câu 36 | Câu 37 | Câu 38 | Câu 39 | Câu 40 |
| C | A | D | A | A | D | B | D | D | C |

**Mã đề: 02**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 |
| D | C | C | A | C | C | C | B | A | B |
| Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 | Câu 15 | Câu 16 | Câu 17 | Câu 18 | Câu 19 | Câu 20 |
| B | C | A | B | C | B | A | A | A | A |
| Câu 21 | Câu 22 | Câu 23 | Câu 24 | Câu 25 | Câu 26 | Câu 27 | Câu 28 | Câu 29 | Câu 30 |
| B | A | B | D | C | B | A | A | A | D |
| Câu 31 | Câu 32 | Câu 33 | Câu 34 | Câu 35 | Câu 36 | Câu 37 | Câu 38 | Câu 39 | Câu 40 |
| C | B | B | A | C | D | C | A | B | C |

**Mã đề: 03**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 |
| C | D | C | B | D | B | D | C | A | D |
| Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 | Câu 15 | Câu 16 | Câu 17 | Câu 18 | Câu 19 | Câu 20 |
| B | D | A | C | B | D | A | C | B | B |
| Câu 21 | Câu 22 | Câu 23 | Câu 24 | Câu 25 | Câu 26 | Câu 27 | Câu 28 | Câu 29 | Câu 30 |
| C | D | D | B | B | A | A | C | C | B |
| Câu 31 | Câu 32 | Câu 33 | Câu 34 | Câu 35 | Câu 36 | Câu 37 | Câu 38 | Câu 39 | Câu 40 |
| C | B | C | A | B | B | A | C | A | A |

**Mã đề: 04**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 |
| B | B | C | B | D | B | D | D | D | B |
| Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 | Câu 15 | Câu 16 | Câu 17 | Câu 18 | Câu 19 | Câu 20 |
| A | D | D | A | A | A | D | C | B | D |
| Câu 21 | Câu 22 | Câu 23 | Câu 24 | Câu 25 | Câu 26 | Câu 27 | Câu 28 | Câu 29 | Câu 30 |
| A | B | A | B | C | D | B | B | A | C |
| Câu 31 | Câu 32 | Câu 33 | Câu 34 | Câu 35 | Câu 36 | Câu 37 | Câu 38 | Câu 39 | Câu 40 |
| D | A | A | D | A | B | A | B | A | A |

#

# **BGH duyệt TT/NTCM duyệt Người ra đề**

 **Phạm Thị Thanh Hoa Đoàn Thị Hoa**